

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1123/QĐ-UBND**

Quảng Ngãi, ngày **13** tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp năm 2022 thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững
từ nguồn vốn đối ứng ngân sách tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1035/QĐ-BTC ngày 10/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán bổ sung có mục tiêu kinh phí sự nghiệp từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương năm 2022 để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn NSNN và mức vốn đối ứng của ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 30/9/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi khóa XIII kỳ họp thứ 10 về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững từ nguồn vốn đối ứng ngân sách tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 833/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm

nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1216/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh về việc tổ chức thực hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2022;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 4081/STC-NS ngày 12/10/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ kinh phí sự nghiệp năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững từ nguồn vốn đối ứng ngân sách tỉnh, với tổng số tiền là 6.843 triệu đồng (chi tiết như Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính có trách nhiệm cấp kinh phí quy định tại Điều 1 Quyết định này theo quy định.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương được bố trí kinh phí tại Điều 1 Quyết định này chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định.

3. UBND các huyện, thị xã, thành phố:

a) Căn cứ nguồn kinh phí được UBND tỉnh giao tại Điều 1, có trách nhiệm giao dự toán chi tiết cho các cơ quan, đơn vị liên quan để triển khai thực hiện; đồng thời, bố trí vốn đối ứng ngân sách cấp huyện đảm bảo theo quy định tại Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh.

b) Quyết định giao dự toán chi tiết kinh phí sự nghiệp của các huyện, thị xã, thành phố **trước ngày 20/10/2022** và gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị liên quan.

c) Định kỳ hàng quý và cuối năm báo cáo kết quả thực hiện về các sở, ban ngành có liên quan để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (Thường trực Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững tỉnh) có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra quá trình thực hiện của các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị; báo cáo kết quả cho UBND tỉnh để chỉ đạo.

5. Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi chịu trách nhiệm kiểm soát, thanh toán kinh phí nêu trên theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Y tế, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Hiệu trưởng các Trường: Cao đẳng Kỹ nghệ Dung Quất, Cao đẳng Y tế Đặng Thùy Trâm, Cao đẳng Việt Nam-Hàn Quốc-Quảng Ngãi; Giám đốc Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-Giáo dục thường xuyên huyện Ba Tơ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh: Dân tộc, VHXX, KTNS;
- VPUB: PCVP, KTTH, KTN, CBTH;
- Lưu:VT, KGVX_{VHTin502}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Văn Minh

Phụ lục

Phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022

Nguồn vốn: Đối ứng ngân sách tỉnh

(Kèm theo Quyết định số 4123 /QĐ-UBND ngày 13 /10/2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Cơ quan, đơn vị, địa phương	Tổng kinh phí	Dự án 1		Dự án 2		Dự án 3			Dự án 4			Dự án 6			Dự án 7			Ghi chú	
			Tổng cộng	Tiêu DAI-Hoạt động 1	Tiêu DAI-Hoạt động 2	Tiêu DA 1	Tổng cộng	Tiêu DA 1	Tiêu DA 2	Tiêu DA 3	Tổng cộng	Tiêu DA 1	Tiêu DA 2	Tổng cộng	Tiêu DA 1	Tiêu DA 2				
1	Thành phố Quảng Ngãi	216	-			72	36	75	45			30	4	4	2	2	29	19	10	
2	Huyện Lý Sơn	405	180		180	84	42	67	51	2		14	4	4	2	2	28	18	10	
3	Huyện Bình Sơn	280	-			94	47	95	57			38	6	6	3	3	38	25	13	
4	Huyện Sơn Tịnh	174	-			58	29	60	42			18	4	4	2	2	23	15	8	
5	Huyện Tư Nghĩa	192	-			62	31	71	45			26	4	4	2	2	24	16	8	
6	Huyện Nghĩa Hành	201	-			69	35	66	49			17	4	4	2	2	27	18	9	
7	Huyện Mộ Đức	221	-			73	36	78	52			26	5	5	2	3	29	19	10	
8	Thị xã Đức Phổ	221	-			73	36	78	52			26	5	5	2	3	29	19	10	
9	Huyện Trà Bồng	995	195	195		382	191	126	80	25		21	13	13	6	7	88	58	30	
10	Huyện Sơn Hà	337	-			117	58	108	79			29	7	7	3	4	47	31	16	
11	Huyện Sơn Tây	763	175	175		279	139	98	63	19		16	10	10	5	5	62	41	21	
12	Huyện Minh Long	201	-			67	33	70	55			15	4	4	2	2	27	18	9	
13	Huyện Ba Tơ	289	-			102	51	89	70			19	6	6	3	3	41	27	14	
14	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	1.179	-			405		619	555	15		49	33			33	122	80	42	
15	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	42	-				23	-					-				19	12	7	
16	Sở Thông tin và Truyền thông	42	-					-					23		23		19	12	7	
17	Sở Y tế	19	-					-					-				19	12	7	
18	Sở Xây dựng	19	-					-					-				19	12	7	
19	Sở Kế hoạch và Đầu tư	7	-					-					-				7		7	

TT	Cơ quan, đơn vị, địa phương	Tổng kinh phí	Dự án 1			Dự án 2	Dự án 3	Dự án 4				Dự án 6			Dự án 7			Ghi chú		
			Tổng cộng	Tiêu DAI- Hoạt động 1	Tiêu DAI- Hoạt động 2			Tổng cộng	Tiêu DA 1	Tiêu DA 2	Tiêu DA 3	Tổng cộng	Tiêu DA 1	Tiêu DA 2	Tổng cộng	Tiêu DA 1	Tiêu DA 2			
20	Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dung Quất	277	-						277	277										
21	Trường Cao đẳng Y tế Đặng Thùy Trâm	277	-						277	277										
22	Trường Cao đẳng Việt Nam-Hàn Quốc-Quảng Ngãi	347	-						347	347										
23	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-Giáo dục thường xuyên huyện Ba Tư	139	-						139	139										
	Tổng cộng	6.843	550	370	180	1.937	787	2.740	2.335	61	344	132	59	73	697	452	245			

Ghi chú:

- Kinh phí của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-Giáo dục thường xuyên huyện Ba Tư giao cho UBND huyện Ba Tư thực hiện và đối ứng 5% vốn Tung ương
- Kinh phí của Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dung Quất giao cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để làm đầu mối thực hiện.